ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 895 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2019);

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tại Tờ trình số 01/TTr-QPCTT ngày 22/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau năm 2021, với các nội dung chủ yếu như sau: *(có Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22/4/2021 của Quỹ phòng, chống thiên tai kèm theo).*

1. Mục đích, ý nghĩa:

Huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh để chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Những nội dung chính:

a) Đối tượng và mức đóng góp Quỹ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

b) Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ và thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP.

c) Hình thức thu, nộp, phân cấp Quỹ:

- Hình thức thu, nộp: Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và khoản 3, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ.

- Phân cấp Quỹ: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

d) Thời hạn nộp Quỹ:

- Đối với cá nhân: Nộp Quỹ một lần trước ngày 30/5/2021.

- Đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh: Nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 30/5/2021, số còn lại nộp trước ngày 30/10/2021.

4. Chỉ tiêu thu, nộp Quỹ:

Tổng số tiền Quỹ phòng, chống thiên tai phải thu, nộp năm 2021 đối với đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau *(chưa bao gồm đối tượng tổ chức kinh tế; người lao động trong các tổ chức kinh tế trên địa bàn)*: **15.734.407.737 đồng** *(Mười lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng)*. Trong đó:

- Số tiền miễn đóng Quỹ (tạm tính): **5.033.715.000 đồng** *(Năm tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng)*.

- Chỉ tiêu thu Quỹ: **10.700.692.737 đồng** *(Mười tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng)*; cụ thể:

+ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh : 3.376.843.423 đồng.

+ Thành phố Cà Mau : 1.094.106.773 đồng.

+ Huyện Phú Tân : 607.483.501 đồng.

+ Huyện Cái Nước : 1.023.405.425 đồng.

+ Huyện Đầm Dơi : 1.041.214.402 đồng.

+ Huyện Ngọc Hiển : 348.576.845 đồng.

+ Huyện Năm Căn : 518.550.357 đồng.

+ Huyện Thới Bình : 912.905.597 đồng.

+ Huyện Trần Văn Thời : 1.182.521.414 đồng.

+ Huyện U Minh : 595.085.000 đồng.

Tổng : 10.700.692.737 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm và nghĩa vụ thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết, đồng thuận trước khi thu Quỹ; phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, đôn đốc việc thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo rà soát kỹ các đối tượng thuộc diện miễn đóng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý, chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng đã đề xuất miễn đóng quỹ; tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch thu, nộp, phân cấp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021 (nếu có sự chênh lệch số tiền miễn đóng quỹ).

4. Cục Thuế tỉnh rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của Cục Thuế tỉnh, kèm theo thông tin về tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính năm 2020; chỉ đạo Chi cục Thuế các khu vực chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp văn bản, hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng quỹ đối với đối tượng là các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh; Cục Thuế tỉnh kiểm tra, xác nhận, đề xuất danh sách miễn, giảm, tạm hoãn đóng quỹ năm 2021 gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để tổng hợp.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc trên địa bàn tỉnh mà đơn vị chủ quản nằm ngoài tỉnh Cà Mau.

6. Bảo hiểm Xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh, kèm theo thông tin về số người lao động trong các đơn vị kinh tế này.

7. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh rà soát, tổng hợp số liệu do Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm Xã hội tỉnh báo cáo; tham mưu, trình Ủy

ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt bổ sung chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh đối với các tổ chức kinh tế trong nước, nước ngoài trên địa bàn tỉnh và người lao động trong các tổ chức này.

8. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo, tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (*kèm Kế hoạch số 01/KH-QPCTT)*;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Báo, Đài, CTTĐT tỉnh;
- PNN-TN (K01/QĐ);
- Lưu: VT, TH12/5.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

UBND TỈNH CÀ MAU **QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/KH-QPCTT	*Cà Mau, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Thu, nộp, phân cấp Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau năm 2021

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai 2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Công văn số 269/LĐTBXH-VPQGGN ngày 03/2/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau.

Trên cơ sở báo cáo số liệu và các ý kiến đóng của các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, lực lượng vũ trang, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau, Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh đã hoàn thiện Kế hoạch – nộp Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2021 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phục vụ chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai quy định tại Khoản 3 Điều 10 Luật Phòng chống thiên tai 2013.

- Thu quỹ phòng, chống thiên tai (sau đây gọi tắt là "Quỹ") phải đúng đối tượng và đảm bảo thời gian theo quy định. Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng và mức đóng Quỹ

a) Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn (sau đây gọi tắt là "các tổ chức kinh tế"): Mức đóng bắt buộc một năm là 2/10.000 *(hai phần vạn)* trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Đối với công dân: Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi 60 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 55 tuổi, mức đóng cụ thể như sau:

b1) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp.

b2) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng (*Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)*. Trong đó, Vùng II gồm: Thành phố Cà Mau (3.920.000 đồng/tháng); Vùng III gồm các huyện: Năm Căn, Cái Nước, U Minh, Trần Văn Thời (3.430.000 đồng/tháng); Vùng IV gồm các huyện: Phú Tân, Đầm Dơi, Thới Bình, Ngọc Hiển (3.070.000 đồng/tháng).

b3) Người lao động khác: trừ các đối tượng đã được quy định tại mục b1 và b2, Điểm b Khoản này *(bao gồm cả những người hoạt không chuyên trách, lao động hợp đồng tại các cơ quan nhà nước)*, đóng 15.000 đồng/người/năm.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân *(kể cả tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tại Cà Mau)* tham gia đóng tự nguyện cho Quỹ.

d) Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng Quỹ và thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng Quỹ: Thực hiện theo Điều 6, Điều 7 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 và Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ.

2. Hình thức thu, nộp và phân cấp Quỹ

a) Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh:

- Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của Cục Thuế tỉnh. Người đứng đầu các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý thuế của Cục thuế tỉnh có trách nhiệm nộp Quỹ bằng hình thức chuyển vào tài khoản Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tại Kho bạc Nhà nước

tỉnh theo đúng Thông báo thu quỹ năm 2021 do Cục Thuế tỉnh phát hành và nộp lại Giấy nộp tiền hoặc Giấy Ủy nhiệm chi (bản photo) cho Cục Thuế tỉnh để phục vụ việc tổng hợp và báo cáo kết quả thu quỹ.

- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau (sau đây gọi là "Ủy ban nhân dân cấp huyện") chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn quản lý (trừ những đối tượng Cục Thuế tỉnh đã thu), theo mức quy định. Người đứng đầu các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (trừ những tổ chức kinh tế Cục Thuế tỉnh đã thu) có trách nhiệm nộp Quỹ bằng hình thức chuyển vào tài khoản Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo đúng Thông báo thu quỹ năm 2021 do Ủy ban nhân dân cấp huyện phát hành.

b) Đối với công dân Việt Nam (nam, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động):

b1) Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh: Chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị, lực lượng vũ trang, các cơ quan thuộc ngành dọc, các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nói trên có trách nhiệm thu tiền đóng Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo mức quy định và chuyển vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

b2) Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng Quỹ của người lao động trong các đơn vị kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Người lao động trong các tổ chức kinh tế này có trách nhiệm đóng Quỹ theo mức quy định thông qua tổ chức kinh tế nơi đang làm việc theo mức quy định. Người đứng đầu các tổ chức kinh tế nêu trên tiếp nhận, tổng hợp và nộp hộ người lao động bằng cách chuyển vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo Thông báo thu quỹ năm 2021 do Bảo hiểm xã hội tỉnh phát hành.

b3) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng Quỹ của các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình và các cơ quan, ban, ngành, đơn vị cấp huyện (trừ các đơn vị Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh đã thu). Lãnh đạo, thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan cấp huyện, có trách nhiệm thu tiền đóng Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo mức quy định và chuyển vào tài khoản Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

b4) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là "Ủy ban nhân dân cấp xã") tổ chức thu quỹ của các cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, các đối tượng là người lao động khác trên địa bàn quản lý theo mức quy định.

c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

Việc nộp quỹ, trích giữ số quỹ được phân bổ ở cấp huyện, cấp xã *(không quá 20% số thu trên địa bàn cấp mỗi cấp)* do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ động quyết định. Trong từng trường hợp thực hiện như sau:

+ Trường hợp địa phương chủ động trích giữ quỹ trước khi nộp về tỉnh, thực hiện như sau: Định kỳ vào ngày làm việc cuối tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động trích giữ tối đa 20% tính trên số quỹ thu được của cấp xã tại thời điểm nộp về cấp huyện theo Kế hoạch giao chỉ tiêu được duyệt thể hiện bằng Quyết định trích giữ Quỹ, đồng thời lập thủ tục nộp 80% số quỹ còn lại vào tài khoản Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện; Định kỳ vào ngày làm việc cuối quý, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động trích giữ tối đa 20% tính trên số quỹ thu được của cấp huyện tại thời điểm nộp về cấp tỉnh theo Kế hoạch giao chỉ tiêu được duyệt thể hiện bằng Quyết định trích giữ Quỹ, đồng thời lập thủ tục nộp về Tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh số quỹ còn lại.

+ Trường hợp đề nghị phân bổ sau khi đã nộp toàn bộ số quỹ thu được về cấp tỉnh, thực hiện như sau: Định kỳ vào ngày làm việc cuối tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp toàn bộ số quỹ thu được trên địa bàn vào tài khoản Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện đúng thời gian theo Kế hoạch giao chỉ tiêu được phê duyệt; Định kỳ vào ngày làm việc cuối quý, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, nộp toàn bộ số quỹ thu được trên địa bàn cấp huyện vào tài khoản Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh đúng thời gian theo Kế hoạch giao chỉ tiêu được phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị phân bổ tối đa không quá 20% số quỹ cho cấp huyện, cấp xã theo quy định; Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương phân bổ quỹ cho cấp huyện, cấp xã.

Tuy nhiên, để giảm bớt thủ tục và tiết kiệm thời gian, Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh khuyến khích các địa phương thực hiện theo phương án chủ động trích giữ quỹ trước khi nộp về cấp tỉnh.

Thời hạn hoàn thành việc thu nộp quỹ của cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định trên cơ sở đảm bảo thời gian hoàn thành việc nộp quỹ về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

3. Đơn vị thu quỹ phòng, chống thiên tai

a) Đối với Quỹ phòng, chống thiên tại tỉnh:

- Đơn vị thu quỹ: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau;

- Số tài khoản: 3761.0.3026992.91049 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau;

- Địa chỉ: Số 03, Bông Văn Dĩa, Khóm 4, Phường 5, TP. Cà Mau; ĐT: 02903830800; Fax: 02903837103; Email: quypcttcamau@gmail.com.

b) Đối với Quỹ phòng, chống thiên tai cấp huyện:

b1) Thành phố Cà Mau:

- Đơn vị thu quỹ: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Cà Mau;

- Số tài khoản: 3761.0.9086379.91049 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau.

b2) Huyện Trần Văn Thời:

- Đơn vị thu quỹ: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Trần Văn Thời;

- Số tài khoản: 3761.0.9086852.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Trần Văn Thời.

b3) Huyện Ngọc Hiển:

- Đơn vị thu quỹ: Quỹ phòng, chống thiên tai huyện Ngọc Hiển;

- Số tài khoản: 3761.0.9009376.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Ngọc Hiển.

b4) Huyện U Minh:

- Đơn vị thu quỹ: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện U Minh;

- Số tài khoản: 3761.0.1122004.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện U Minh.

b5) Huyện Phú Tân:

- Đơn vị thu quỹ: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Phú Tân;

- Số tài khoản: 3761.0.9086784.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Phú Tân.

b6) Huyện Đầm Dơi:

- Đơn vị thu quỹ: Quỹ phòng, chống thiên tai huyện Đầm Dơi;

- Số tài khoản: 3761.0.1004618.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đầm Dơi.

b7) Huyện Thới Bình:

- Đơn vị thu quỹ: Quỹ phòng, chống thiên tai huyện Thới Bình;

- Số tài khoản: 3761.0.9086649.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Thới Bình.

b8) Huyện Cái Nước:

- Đơn vị thu quỹ: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Cái Nước;

- Số tài khoản: 3761.0.9092869.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Cái Nước.

b9) Huyện Năm Căn:

- Đơn vị thu quỹ: Quỹ phòng, chống thiên tai huyện Năm Căn;

- Số tài khoản: 3761.0.9045018.91049 tại Kho bạc Nhà nước huyện Năm Căn.

4. Thời hạn nộp Quỹ

- Đối với cá nhân: Nộp Quỹ một lần trước ngày 30/5/2021.

- Đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh: Nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 30/5/2021, số còn lại nộp trước ngày 30/10/2021.

5. Công khai công tác thu – nộp Quỹ

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu – nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu – nộp.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn quản lý. Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm văn hóa cấp xã, trụ sở ban nhân dân ấp, khóm và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

- Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng Quỹ; công khai trên website của Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

III. CHỈ TIÊU THU - NỘP QUỸ NĂM 2021

Tổng số tiền Quỹ phải thu – nộp Đợt 1 năm 2021 đối với đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khi chưa đề xuất xem xét miễn, giảm) là: **15.734.407.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm lẽ bảy nghìn đồng)*. Trong đó:

- Số tiền đề xuất xem xét miễn đóng Quỹ Đợt 1 năm 2021 là: **5.033.715.000 đồng** *(Bằng chữ: Năm tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng)*. Tất cả các trường hợp đề xuất miễn đóng quỹ đều thuộc đối tượng là cá nhân do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau đề xuất.

- Chỉ tiêu thu quỹ Đợt 1 năm 2021 dự kiến sẽ thực hiện (sau khi đã trừ đi khoản đề xuất miễn, giảm) là: **10.700.692.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng)*. Cụ thể:

+ Quỹ PCTT tỉnh:	3.376.843.423	đồng
+ TP Cà Mau:	1.094.106.773	đồng
+ Huyện Phú Tân:	607.483.501	đồng
+ Huyện Cái Nước:	1.023.405.425	đồng
+ Huyện Đầm Dơi:	1.041.214.402	đồng
+ Huyện Ngọc Hiển:	348.576.845	đồng
+ Huyện Năm Căn:	518.550.357	đồng
+ Huyện Thới Bình:	912.905.597	đồng
+ Huyện Trần Văn Thời:	1.182.521.414	đồng
+ Huyện U Minh:	595.085.000	đồng
Tổng	**10.700.692.736**	**đồng**

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

* ***Ghi chú:***

Đối với các đối tượng là các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn (Mức đóng bắt buộc một năm là 2/10.000 "hai phần vạn" trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm) do phải căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2020 của các tổ chức kinh tế do Cục Thuế tỉnh quản lý,

tổng hợp, số liệu này đến nay Cục Thuế tỉnh chưa có báo cáo. Ngoài ra, do chưa xác định được số lượng, danh sách các tổ chức kinh tế nên kéo theo việc chưa xác định được người lao động trong các tổ chức kinh tế. Do đó, sau khi có báo cáo số liệu của Cục Thuế tỉnh, Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh sẽ rà soát, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao bổ sung chỉ tiêu thu quỹ phòng, chống thiên tai đối với đối tượng là tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài cũng như người lao động trong các tổ chức kinh tế. (Chỉ tiêu Đợt 2).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Chi phí hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ sử dụng từ nguồn thu quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của tỉnh *(tổng số Quỹ thu được trong năm trên địa bàn tỉnh khi chưa phân cấp cho cấp huyện và cấp xã)*, do Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cân đối, điều phối sử dụng. Các đơn vị được giao chỉ tiêu thu quỹ lập Kế hoạch thu và dự toán kinh phí chi thù lao và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ của đơn vị mình gửi Quỹ phòng, chống thiên tai để thẩm định, cụ thể như sau:

1. Cục Thuế tỉnh: Lập Kế hoạch thu quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của Cục thuế tỉnh theo chỉ tiêu được giao, đồng thời lập dự toán chi tiết chi thù lao và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ, đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu theo chỉ tiêu được giao, gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chậm nhất 20 ngày kể từ ngày có văn bản giao chỉ tiêu để xem xét, phê duyệt. Sau khi kết thúc việc thu quỹ theo thời gian quy định, Cục Thuế tỉnh trên cơ sở dự toán được Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh phê duyệt, tổng hợp chi phí thực hiện thực tế, đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu thực tế *(kèm theo hồ sơ, thủ tục đúng theo quy định hiện hành về tài chính, kế toán)* gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định.

2. Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Lập Kế hoạch thu quỹ của người lao động trong các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu được giao, đồng thời lập dự toán chi tiết chi thù lao và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ, đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu theo chỉ tiêu được giao, gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chậm nhất 20 ngày kể từ ngày có văn bản giao chỉ tiêu để xem xét, phê duyệt. Sau khi kết thúc việc thu quỹ theo thời gian quy định, Bảo hiểm Xã hội tỉnh trên cơ sở dự toán được Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh phê duyệt, tổng hợp chi phí thực hiện thực tế, đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu thực tế *(kèm theo hồ sơ, thủ tục đúng theo quy định hiện hành về tài chính, kế toán)* gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định.

3. Đơn vị được giao quản lý Quỹ cấp huyện: Lập Kế hoạch thu quỹ của cấp huyện theo chỉ tiêu được giao, đồng thời lập dự toán chi tiết chi thù lao và các chi phí hành chính phát sinh của cấp huyện (bao gồm cả cấp xã), đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu trên địa bàn theo chỉ tiêu được giao, gửi Quỹ phòng, chống

thiên tai tỉnh chậm nhất 20 ngày kể từ ngày có văn bản giao chỉ tiêu để xem xét, phê duyệt *(trong đó, đối với cấp xã: Không vượt quá 3% tổng số thu trên địa bàn cấp xã; đối với cấp huyện: Không vượt quá 3% tổng số thu do các đơn vị cấp huyện được giao thu, không bao gồm số thu của cấp xã nộp về).* Sau khi kết thúc việc thu quỹ theo thời gian quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên cơ sở dự toán được Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh phê duyệt, tổng hợp chi phí thực hiện thực tế, đảm bảo không vượt quá 3% tổng số thu thực tế ở từng cấp *(kèm theo hồ sơ, thủ tục của cấp huyện, cấp xã đúng theo quy định hiện hành về tài chính, kế toán)* gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định.

4. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh: Lập dự toán kinh phí chi thù lao và các chi phí hành chính phát sinh đối với việc thu quỹ, đảm bảo không vượt quá 3% số thu do Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh trực tiếp thu theo chỉ tiêu được giao *(không bao gồm số thu quỹ của cấp huyện, cấp xã nộp về)*; đồng thời, có trách nhiệm thẩm định dự toán và thanh toán chi phí thực tế chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ của đơn vị, địa phương gửi về theo quy định, cân đối từ nguồn thu quỹ, nhưng không vượt quá 3% tổng số thu quỹ thực tế của toàn tỉnh *(tổng số Quỹ thu được trong năm trên địa bàn tỉnh khi chưa phân cấp cho cấp huyện và cấp xã).*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm phát hành Thông báo và thu quỹ đối với các tổ chức, cá nhân mà đơn vị phụ trách thu quỹ đúng đối tượng, số lượng đã được phân công theo Kế hoạch này.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ Kế hoạch thu quỹ của tỉnh để xây dựng kế hoạch thu và giao chỉ tiêu thu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; đồng thời gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, lực lượng vũ trang, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức kinh tế và công dân có trách nhiệm và nghĩa vụ thu – nộp Quỹ phòng chống thiên tai và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của Cục Thuế tỉnh, kèm theo thông tin về tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính năm 2020 và danh sách đề xuất giảm, tạm hoãn đóng Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021 đối với đối tượng này.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc trên địa bàn tỉnh mà đơn vị chủ quản nằm ngoài tỉnh Cà Mau.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát, tổng hợp và gửi về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách

các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn toàn tỉnh, kèm theo thông tin về số người lao động trong các đơn vị kinh tế này.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm in ấn, cấp phát, quản lý, hướng dẫn thanh quyết toán liên quan đến Phiếu thu quỹ *(sử dụng trong thu quỹ đối tượng người lao động khác, mức 15.000 đồng/người)* ở cấp xã cho các huyện, thành phố Cà Mau triển khai thực hiện đúng quy định.

8. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận số tiền đóng Quỹ phòng, chống thiên tai của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Định kỳ cuối mỗi tháng, tổng hợp số tiền đóng Quỹ, báo cáo về Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

9. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau, Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các số liệu báo cáo đề xuất miễn, giảm, tạm hoãn đóng quỹ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý, đồng thời có trách nhiệm rà soát, thống kê số lượng các tổ chức kinh tế trên địa bàn không thu được Quỹ mà cơ quan được phân bổ thu (do giải thể, chuyển đổi địa chỉ, không tồn tại, đang hoạt động nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ,...) và các tổ chức kinh tế mới thành lập trên địa bàn, báo cáo bằng văn bản về Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 31/12/2021 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

10. Các cơ quan thu quỹ cần chú ý rà soát kỹ các đối tượng thu là cá nhân, người lao động để tránh thu chồng chéo, thu nhiều lần hoặc thu của các đối tượng đã được miễn đóng Quỹ,...; đối với cơ quan thu quỹ của cấp xã việc thu quỹ và xuất Phiếu thu đảm bảo 01 Phiếu thu/người, không xuất Phiếu thu theo hộ gia đình. Ngoài ra, khi thu quỹ đối tượng người lao động khác (15.000 đồng/người/năm) tại các hộ gia đình, cần rà soát, loại trừ các thành viên trong hộ gia đình là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, người lao động của địa phương làm việc trong các tổ chức kinh tế trong và ngoài tỉnh đã thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang làm việc nhằm đảm bảo 01 người chỉ nộp Quỹ 01 lần/năm theo đúng quy định và tránh được việc tạo ra chỉ tiêu ảo thu không đạt. Riêng đối với đối tượng thu là người lao động trong các tổ chức kinh tế, do đối tượng này rất dễ biến động, vì vậy, giao các cơ quan thu quỹ rà soát đề nghị người đứng đầu các tổ chức kinh tế thu nộp theo đúng số lượng thực tế tại thời điểm nộp quỹ.

11. Các cơ quan được giao thu quỹ phòng, chống thiên tai rà soát, thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm đối với các đơn vị không đóng quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính Phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều. Báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (qua Văn phòng Thường trực - Chi cục Thủy lợi) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, các cơ quan, tổ chức và địa phương có gặp vướng mắc, khó khăn, phản ảnh về Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh để phối hợp giải quyết theo thẩm quyền hoặc để phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý kịp thời theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Sở Tài chính (p/h);
- KBNN tỉnh (p/h);
- Cục Thuế tỉnh (t/h);
- UBND các huyện, TP. Cà Mau (t/h);
- P. Giám đốc Quỹ PCTT;
- Lưu: VT, QPCTT (Sơn).

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH CÀ MAU

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Lê Thanh Triều

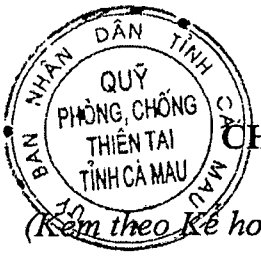

Phụ lục I:

CHỈ TIÊU THU - NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH CÀ MAU ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

TT	Cơ quan được giao chỉ tiêu	Tổng số tiền thu Quỹ năm 2020	Cán bộ, công chức, viên chức (01 ngày lương theo mức lương cơ bản)	Người lao động khác (15.000 đồng/người)	Ghi chú
1	Quỹ PCTT tỉnh	**3.376.843.423**	3.376.843.423	0	
2	TP Cà Mau	**1.094.106.773**	632.376.773	461.730.000	
3	Huyện Phú Tân	**607.483.501**	278.518.501	328.965.000	
4	Huyện Cái Nước	**1.023.405.425**	527.820.425	495.585.000	
5	Huyện Đầm Dơi	**1.041.214.402**	548.719.402	492.495.000	
6	Huyện Ngọc Hiển	**348.576.845**	151.386.845	197.190.000	
7	Huyện Năm Căn	**518.550.357**	243.060.357	275.490.000	
8	Huyện Thới Bình	**912.905.597**	454.700.597	458.205.000	
9	Huyện Trần Văn Thời	**1.182.521.414**	530.126.414	652.395.000	
10	Huyện U Minh	**595.085.000**	350.000.000	245.085.000	
TỔNG		**10.700.692.736**	**7.093.552.736**	**3.607.140.000**	

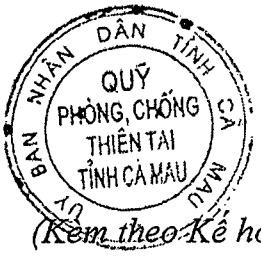

Phụ lục II:

DANH SÁCH ĐỀ XUẤT XÉT MIỄN ĐÓNG QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

TT	Đơn vị	Tổng số người đề xuất xét miễn đóng Quỹ PCTT	Tổng số tiền đề xuất miễn đóng Quỹ PCTT	Ghi chú
1	TP Cà Mau	69.571	1.043.565.000	Số liệu căn cứ vào báo cáo đề xuất miễn đóng Quỹ PCTT 2021 của các huyện và thành phố Cà Mau
2	Huyện Phú Tân	27.846	417.690.000	
3	Huyện Cái Nước	37.864	567.960.000	
4	Huyện Đầm Dơi	48.250	723.750.000	
5	Huyện Ngọc Hiển	24.335	365.025.000	
6	Huyện Năm Căn	9.112	136.680.000	
7	Huyện Thới Bình	50.398	755.970.000	
8	Huyện Trần Văn Thời	35.774	536.610.000	
9	Huyện U Minh	32.431	486.465.000	
TỔNG		**335.581**	**5.033.715.000**	

Phụ lục III:

DANH SÁCH CÁC SỞ, BAN NGÀNH, ĐOÀN THỂ, ĐƠN VỊ GIAO QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THU ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÁC SỞ, BAN NGÀNH, ĐOÀN THỂ TỈNH		
1	Ban Dân tộc	4.994.458	
2	Ban Dân Vận	5.329.203	
3	Ban QL Khu Kinh tế	8.878.711	
4	Ban QLDA CT XD	11.035.853	
5	Ban QLDA ODA và NGO	4.075.827	
6	Ban QLDA CT Giao thông	5.570.413	
7	Ban QLDA NN&PTNT	7.557.000	
8	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	5.758.221	
9	Ban Tuyên giáo	6.593.097	
10	Báo Ảnh Đất Mũi	6.090.655	
11	Báo Cà Mau	8.672.318	
12	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	36.138.083	
13	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	91.242.361	
14	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	140.927.273	
15	Bưu điện tỉnh	60.389.955	
16	Công an tỉnh	634.790.000	
17	Cục hải quan	12.297.992	
18	Cục Thi hành án	28.998.507	
19	Cục thống kê	16.459.668	
20	Cục thuế	107.566.433	
21	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh	2.012.362	
22	Đài truyền hình	29.166.187	
23	Đảng ủy Dân chính Đảng	7.197.900	
24	Hội đồng Nhân dân tỉnh	6.718.885	
25	Hội Văn Học Nghệ thuật	3.057.536	
26	Hội Chữ thập đỏ	2.377.074	
27	Hội Cựu chiến binh	718.000	
28	Hội LH Phụ nữ	2.870.664	
29	Hội Nông dân	5.052.459	
30	Kho bạc Nhà nước	30.138.026	

31	Liên đoàn lao động tỉnh	22.522.160	
32	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2.538.570	
33	Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật	1.272.052	
34	Liên minh hợp tác xã	3.588.139	
35	Sở Công thương	11.029.016	
36	Sở Lao động thương binh và xã hội	33.142.359	
37	Sở Giáo dục và đào tạo	483.513.000	
38	Sở Giao thông vận tải	43.368.333	
39	Sở Kế hoạch ĐT	8.410.363	
40	Sở Khoa học công nghệ	18.927.306	
41	Sở Nông nghiệp &PTNT	200.924.960	
42	Sở Nội vụ	17.637.777	
43	Sở Tài chính	29.722.271	
44	Sở Tài nguyên môi trường	42.030.424	
45	Sở thông tin truyền thông	9.445.777	
46	Sở Tư Pháp	15.512.728	
47	Sở Y tế	841.707.581	
48	Sở Văn hóa TT DL	48.184.972	
49	Sở Xây dựng	9.738.193	
50	Thanh tra tỉnh	7.249.795	
51	Tỉnh đoàn	7.824.499	
52	Tòa án tỉnh	32.069.036	
53	Trường Cao đẳng y tế	10.969.873	
54	Trường Cao đẳng cộng đồng	21.370.857	
55	Trường Chính trị	9.691.658	
56	UBKT Tỉnh ủy	9.109.995	
57	UB Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh	4.640.297	
58	Văn phòng UBND tỉnh	35.650.213	
59	Văn phòng Tỉnh ủy	32.521.980	
60	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	12.543.129	
61	Vườn Quốc gia U Minh hạ	13.604.818	
62	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh	33.051.791	
63	Viễn thông Cà Mau	2.231.832	
64	Ngân hàng nhà nước	8.422.548	
TỔNG		**3.376.843.423**	
Bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng.			

Phụ lục IV:

CHỈ TIÊU GIAO THÀNH PHỐ CÀ MAU
THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22/4/2021 của Quỹ PCTT tại tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG**	**15.765.056**	
1	Văn phòng Thành ủy Cà Mau	3.425.676	
2	Ban Tổ chức Thành ủy	1.654.916	
3	Ban Tuyên giáo Thành ủy	1.444.067	
4	Ban Dân vận Thành ủy	1.287.157	
5	Ủy ban kiểm tra Thành ủy	1.708.883	
6	UBMTTQVN thành phố	1.129.274	
7	Trung tâm Chính trị thành phố	961.245	
8	Hội Nông dân thành phố	821.329	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	1.265.091	
10	Hội Cựu chiến binh thành phố	638.582	
11	Thành đoàn	1.428.835	
II	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**23.711.175**	
1	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	5.649.477	
2	Phòng Kinh tế thành phố	1.951.250	
3	Phòng Y tế thành phố	764.326	
4	Phòng Dân tộc thành phố	744.099	
5	Phòng Tài chính & kế hoạch thành phố	1.707.015	
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	2.362.314	
7	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố	1.146.795	
8	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1.474.101	
9	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TP	1.758.505	
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố	1.913.038	
11	Phòng Nội vụ thành phố	2.166.707	
12	Phòng Tư pháp thành phố	1.317.803	
13	Thanh tra thành phố	755.745	
III	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**523.121.265**	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố	2.081.550	
2	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao	5.331.775	
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp thành phố	3.093.230	
4	Đội trật tự đô thị thành phố	3.386.938	
5	Ban Quản lý chợ thành phố	1.659.427	
6	Hội Đông y thành phố	819.829	
7	Hội Chữ thập đỏ thành phố	603.856	
8	Trường MG Sơn Ca	4.138.248	
9	Trường MG Họa Mi	3.174.455	
10	Trường MN Tuổi Ngọc	1.946.983	
11	Trường MG Hoa Hồng	2.936.235	
12	Trường MG Bông Hồng	4.692.884	
13	Trường MN Trúc Xanh	3.647.865	
14	Trường MG Hương Sen	5.022.634	
15	Trường MG BT TT phường 7	2.108.221	

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
63	Trường TH Lý Văn Lâm	11.649.165	
64	Trường TH Phan Ngọc Hiển	7.908.558	
65	Trường THCS Ngô Quyền	8.817.190	
66	Trường THCS Phan Bội Châu	12.395.953	
67	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	21.068.878	
68	Trường THCS Võ Thị Sáu	23.294.694	
69	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8.658.983	
70	Trường THCS Lương Thế Vinh	15.308.548	
71	Trường THCS Nguyễn Du	17.474.960	
72	Trường THCS Tân Thành	9.765.223	
73	Trường THCS Định Bình	5.724.566	
74	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	6.944.159	
75	Trường THCS Hòa Tân	9.257.262	
76	Trường THCS An Xuyên 1	7.493.339	
77	Trường THCS An Xuyên 2	10.961.781	
78	Trường THCS Nguyễn T Minh Khai	13.263.973	
IV	**UBND, ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, PHƯỜNG**	**531.509.276**	
1	Phường 1	19.908.602	Bao gồm thu người lao động đối tượng 15.000 đồng/người/năm
2	Phường 2	17.332.061	
3	Phường 4	31.887.903	
4	Phường 5	24.690.627	
5	Phường 6	25.460.016	
6	Phường 7	29.150.611	
7	Phường 8	48.009.130	
8	Phường 9	43.049.811	
9	Phường Tân Xuyên	32.308.550	
10	Phường Tân Thành	22.143.440	
11	Xã Tắc Vân	24.635.836	
12	Xã Lý Văn Lâm	19.226.838	
13	Xã An Xuyên	56.108.053	
14	Xã Tân Thành	42.076.547	
15	Xã Định Bình	33.069.365	
16	Xã Hòa Thành	28.078.402	
17	Xã Hòa Tân	34.373.485	
TỔNG		**1.094.106.773**	
Bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, một trăm lẽ sáu nghìn đồng			

Phụ lục V:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN PHÚ TÂN
THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**20.221.567**	
1	Văn phòng HĐND&UBND huyện	6.279.486	
2	Phòng Nội vụ	1.572.783	
3	Phòng Nông nghiệp - PTNT	1.965.672	
4	Phòng Tư pháp	725.711	
5	Phòng LĐTB&XH	1.774.326	
6	Phòng Giáo dục - Đào tạo	1.803.264	
7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1.070.792	
8	Phòng Tài nguyên - Môi trường	1.111.858	
9	Thanh tra huyện	1.147.285	
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.830.847	
11	Phòng Văn hóa - Thông tin	939.543	
II	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**8.966.888**	
1	Trung tâm Giáo dục - Nghề nghiệp	2.665.258	
2	Trung tâm Văn hóa, truyền thông và Thể thao	3.496.326	
3	Đội Quản lý KT&BVNLTS	323.689	
4	Ban Quản lý Dự án	2.481.615	
III	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**	**13.390.681**	
1	Văn phòng Huyện ủy	3.607.253	
2	Ban Tổ chức Huyện ủy	1.820.408	
3	Ban Tuyên giáo Huyện ủy	1.203.250	
4	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	1.331.901	
5	Ban Dân vận Huyện ủy	1.222.799	
6	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	899.784	
7	Hội LHPN huyện	619.674	
8	Hội Nông dân huyện	1.019.871	
9	Huyện Đoàn	712.074	
10	Hội Cựu chiến binh huyện	400.244	
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	553.423	
IV	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**200.828.454**	
1	Mẫu Giáo Phú Tân	5.503.958	
2	Mẫu Giáo Cái Đôi Vàm	4.958.242	
3	Mẫu Giáo Hoa Hồng	3.491.319	
4	Mẫu Giáo Hướng Dương	2.766.104	
5	Mẫu Giáo Họa My	2.337.319	

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	39.673.131	Bao gồm thu người lao động đối tượng 15.000 đồng/người/năm
2	Xã Phú Thuận	32.760.645	
3	Xã Nguyễn Việt Khái	4.335.880	
4	Xã Rạch Chèo	58.467.491	
5	Xã Tân Hải	32.014.600	
6	Xã Phú Tân	76.292.171	
7	Xã Phú Mỹ	35.695.738	
8	Xã Việt Thắng	25.476.237	
9	Xã Tân Hưng Tây	57.583.956	
VI	**CÁC CƠ QUAN KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.776.062**	
1	Hội Đông y	1.075.948	
2	Hội Chữ thập đỏ	700.114	
	TỔNG	**607.483.501**	
Bằng chữ: Sáu trăm lẽ bảy triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng			

Phụ lục VI:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN CÁI NƯỚC

THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	***20.419.824***	
1	HĐND, UBND, Văn phòng HĐND và UBND huyện	5.295.731	
2	Phòng Tài nguyên và MT	1.493.715	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.550.105	
4	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.749.920	
5	Phòng Tư pháp	1.060.985	
6	Phòng Văn hóa và Thông tin	. 877.105	
7	Thanh tra huyện	1.162.119	
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.820.408	
9	Phòng Nội vụ	1.629.786	
10	Phòng Giáo dục và ĐT	2.060.064	
11	Phòng Lao động TB&XH	1.719.887	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	***445.800.696***	
14	Ban Quản lý chợ và đô thị	1.609.559	
15	Ban Quản lý Dự án xây dựng	1.990.190	
16	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	3.800.177	
17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	3.599.749	
18	Trung tâm chính trị	691.387	
19	Các điểm trường (trực thuộc Phòng Giáo dục và ĐT huyện)	434.109.634	
20	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	3.417.095	
III	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG**	***13.526.179***	
21	Ban Dân vận	641.740	
22	Uỷ ban kiểm tra	1.100.213	
23	Ban Tuyên giáo	1.189.701	
24	Ban Tổ chức	1.485.134	
25	Văn phòng Huyện ủy	3.369.899	
26	Hội Nông dân	1.529.878	
27	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.155.989	
28	Huyện đoàn	1.042.597	
29	Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam	1.406.679	
30	Hội Cựu chiến binh	604.351	
IV	**UBND, ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	***537.998.656***	
32	Xã Lương Thế Trân	31.541.462	Bao gồm thu người lao động đối tượng 15.000 đồng/người/năm
33	Xã Thạnh Phú	41.293.469	
34	Xã Phú Hưng	62.032.386	
35	Xã Tân Hưng	50.882.692	
36	Xã Hưng Mỹ	68.427.842	
37	Xã Hòa Mỹ	34.594.066	
38	Xã Tân Hưng Đông	88.807.676	
39	Thị trấn Cái Nước	49.355.938	
40	Xã Đông Thới	22.148.262	

Phụ lục VII:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN ĐẦM DƠI

THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**25.631.239**	
1	Văn phòng HĐND - UBND huyện	5.571.979	
2	Thanh tra huyện	1.435.490	
3	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	2.087.842	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	1.684.260	
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	1.320.868	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	3.044.713	
7	Phòng LĐ - TB và XH huyện	1.778.728	
8	Phòng Tư pháp huyện	1.116.764	
9	Phòng Dân tộc huyện	1.465.520	
10	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	1.474.714	
11	Phòng Nội vụ huyện	2.095.661	
12	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	2.554.700	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**442.126.200**	
1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện	4.237.658	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện	2.112.464	
3	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	1.091.019	
4	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện	4.997.546	
5	Ban Điều hành Bến tàu	1.314.686	
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	3.953.222	
7	Các đơn vị trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện (trường học)	424.419.605	
III	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG**	**19.181.801**	
1	Văn phòng Huyện ủy	4.215.782	
2	Ban Tổ chức Huyện ủy	1.736.495	
3	Ban Tuyên giáo Huyện ủy	1.677.509	
4	Ban Dân vận Huyện ủy	1.524.874	
5	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	1.844.786	
6	Ủy ban MTTQ VN huyện	1.033.965	
7	Huyện đoàn	990.498	
8	Hội Nông dân huyện	1.548.266	
9	Hội Cựu chiến binh	1.197.845	
10	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	1.450.968	
11	Hội Chữ thập đỏ huyện	1.060.995	
12	Hội Đông Y huyện	899.818	
IV	**ỦY BAN NHÂN DÂN, ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	**552.362.788**	
1	Trần Phán	26.752.765	
2	Tân Dân	23.368.495	
3	Tạ An Khương Nam	16.544.246	
4	Tạ An Khương	40.973.818	
5	Tân Tiến	68.983.347	
6	Thị trấn Đầm Dơi	29.047.117	Bao gồm thu người lao
7	Quách Phẩm	20.866.456	

Phụ lục VIII:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN NGỌC HIỂN

THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 04/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG BAN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**14.172.933**	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	4.033.547	
2	Phòng Nội vụ	844.004	
3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1.036.509	
4	Phòng Lao động -Thương binh & Xã hội	1.079.209	
5	Phòng Văn hóa - Thông tin	1.012.686	
6	Phòng Tư pháp	868.173	
7	Phòng NN&PTNT	1.148.475	
8	Phòng Tài nguyên - Môi trường	977.180	
9	Phòng Giáo dục & Đào Tạo	1.913.269	
10	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	1.259.882	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**100.607.637**	
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	1.153.563	
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	515.877	
3	Trung tâm Văn hóa, truyền thông và thể thao	2.726.595	
4	Ban Quản Dự án huyện	911.761	
5	Thanh tra Nhà nước	1.068.873	
6	Trường Tiểu học 2 xã Tam Giang Tây	2.336.843	
7	Trường Tiểu học 2 xã Viên An	4.656.774	
8	Trường Mẫu giáo xã Tân Ân Tây	1.208.663	
9	Trường Tiểu học 1 TT Rạch Gốc	4.925.043	
10	Trường TH1 xã Viên An	2.721.500	
11	Trường Tiểu học 2 xã Đất Mũi	2.625.008	
12	Trường Tiểu học 1 xã Tân Ân Tây	5.128.712	
13	Trường THCS Tam Giang Tây	3.798.093	
14	Trường TH1 xã Viên An Đông	4.100.589	
15	Trường Mẫu giáo xã Viên An Đông	1.260.205	
16	Trường THCS xã Tân Ân Tây	3.467.493	
17	Trường MG xã Đất Mũi	1.859.767	
18	Trường TH1 xã Tam Giang Tây	3.926.553	
19	Trường TH2 xã Viên An Đông	2.260.813	
20	Trường THCS xã Viên An Đông	4.292.573	
21	Trường TH3 xã Đất Mũi	1.905.257	
22	Trương PTCS Bông Văn Dĩa	7.406.177	
23	Trường THCS xã Đất Mũi	5.876.910	
24	Trường Tiểu học 2 Thị trấn Rạch Gốc	5.314.910	
25	Trường Mẫu giáo thị trấn Rạch Gốc	2.946.273	
26	Tiểu học xã Tân Ân	5.236.210	
27	Trường Mẫu giáo xã Viên An	1.665.295	
28	Trường Mẫu giáo xã Tam Giang Tây	1.403.777	
29	Trường TH3 xã Tân Ân Tây	2.831.458	
30	Trường TH3 xã Tam Giang Tây	2.699.994	

Phụ lục IX:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN NĂM CĂN

THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**189.023.351**	
1	Ủy ban nhân dân huyện	6.231.674	
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.754.211	
3	Phòng Kinh tế và hạ tầng	2.216.974	
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.598.526	
5	Phòng Lao động TB&XH	1.836.520	
6	Phòng Nội vụ	1.921.968	
7	Phòng Tài chính và Kế hoạch	1.916.025	
8	Trung tâm văn hóa, truyền thông và thể thao	4.292.213	
9	Phòng Tư pháp	1.318.694	
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.117.436	
11	Thanh tra huyện	1.224.645	
12	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.046.837	
13	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	3.722.423	
14	Ban Quản lý dự án xây dựng	1.758.468	
15	Phòng Giáo dục và đào tạo	157.066.738	
II	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG**	**12.805.597**	
1	Huyện ủy Năm Căn	8.709.767	
2	Hội Nông dân	1.182.346	
3	Đoàn huyện Năm Căn	1.037.000	
4	Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện	838.313	
5	Hội phụ nữ	1.038.171	
IV	**ỦY BAN NHÂN DÂN, ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	**311.900.691**	
1	Thị trấn Năm Căn	55.746.309	Bao gồm thu người lao động đối tượng 15.000 đồng/người/năm
2	Đất Mới	17.108.647	
3	Lâm Hải	38.042.556	
4	Hàng Vịnh	58.642.569	
5	Tam Giang Đông	26.672.058	
6	Tam Giang	52.864.639	
7	Hiệp Tùng	34.386.949	
8	Hàm Rồng	28.436.965	
V	**CÁC CƠ QUAN KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN**	**4.820.717**	
1	Ngân hàng nông nghiệp và PTNT	3.118.017	
2	Bảo hiểm xã hội	1.702.701	
	TỔNG	**518.550.357**	
	Bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng.		

Phụ lục X:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN THỚI BÌNH
THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tại tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**23.621.063**	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	5.524.967	
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2.060.930	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.972.201	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.292.978	
5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.003.674	
6	Phòng Tư pháp	990.498	
7	Thanh tra huyện	1.096.535	
8	Phòng Dân tộc	1.016.854	
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.379.993	
10	Phòng Nội vụ	1.823.045	
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.283.479	
12	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.175.908	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**357.066.997**	
1	Hội Đông y	898.934	
2	Hội Chữ thập đỏ	1.000.163	
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	3.570.277	
4	Hội Cựu chiến binh	817.651	
5	BQL các dự án XDCT huyện	2.289.927	
6	Trung tâm Chính trị huyện	696.962	
7	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao	4.404.958	
8	Các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo	343.388.125	
III	**CÁC PHÒNG, BAN KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**	**13.809.588**	
1	Ban Tổ chức Huyện uỷ	1.495.554	
2	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ	1.404.227	
3	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ	1.564.202	
4	Ban Dân vận Huyện uỷ	1.073.244	
5	Văn phòng Huyện ủy	4.546.734	
6	Ủy ban MTTQVN huyện	704.872	
7	Hội Nông dân huyện	851.047	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	1.113.084	
9	Huyện đoàn	1.056.625	
IV	**ỦY BAN NHÂN DÂN, ĐẢNG ỦY CÁC XÃ, THỊ TRẤN**	**503.046.293**	
1	Xã Tân Bằng	31.711.655	
2	Xã Hồ Thị Kỷ	86.488.267	

Phụ lục XI:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**23.666.523**	
01	Văn phòng HĐND & UBND huyện	6.299.100	
02	Phòng GD&ĐT	2.244.556	
03	Phòng Nội vụ	1.645.109	
04	Phòng Tư pháp	1.201.346	
05	Phòng kinh tế và Hạ tầng	1.431.809	
06	Thanh tra huyện	1.562.976	
07	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.040.450	
08	Phòng Dân tộc	1.132.085	
09	Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.264.170	
10	Phòng lao động Thương binh và Xã hội	1.600.978	
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.593.010	
12	Phòng văn hóa và Thông tin	650.934	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**9.989.502**	
01	Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp	2.279.764	
02	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao	3.463.593	
03	Đội quản lý TTXD và GT Thủy- bộ	1.597.835	
04	Đội khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	554.636	
05	Ban quản lý dự án xây dựng	2.093.674	
III	**SỰ NGHIỆP Y TẾ**	**35.382.112**	
01	Trung Tâm y tế	9.699.758	
02	Phòng Khám Sông Đốc	5.892.473	
03	Trạm Y tế thị trấn Trần Văn Thời	1.432.354	
04	Trạm y tế xã Phong Lạc	1.375.981	
05	Trạm Y tế xã Lợi An	1.590.561	
06	Trạm Y tế xã Phong Điền	1.868.182	
07	Trạm Y tế xã Khánh Bình	1.679.061	
08	Trạm y tế xã Khánh Bình Đông	1.448.114	
09	Phòng khám xã Khánh Bình Tây	2.913.807	
10	Trạm y tế xã Khánh Bình Tây Bắc	1.394.772	
11	Trạm y tế xã Khánh Hải	1.719.067	
12	Trạm y tế xã Trần Hợi	1.469.330	
13	Trạm y tế xã Khánh Hưng	1.516.004	
14	Trạm Y tế xã Khánh Lộc	1.382.649	
IV	**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC**	**390.530.630**	

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
41	Trường TH U Minh 3	3.261.556	
42	Trường TH 1 Khánh Hưng	5.023.893	
43	Trường TH 2 Khánh Hưng	5.424.984	
44	Trường TH 3 Khánh Hưng	3.210.265	
45	Trường TH 4 Khánh Hưng	2.671.716	
46	Trường TH 1 Khánh Hải	4.785.393	
47	Trường TH 2 Khánh Hải	4.105.795	
48	Trường TH 3 Khánh Hải	4.171.447	
49	Trường TH 4 Khánh Hải	4.102.718	
50	Trường TH A Khánh Bình Tây	6.422.069	
51	Trường TH 2 Khánh Bình Tây	4.467.393	
52	Trường TH Đá Bạc	3.922.689	
53	Trường TH 1 K. Bình Tây Bắc	6.939.076	
54	Trường TH 3 K. Bình Tây Bắc	6.269.224	
55	Trường TH 4 K. Bình Tây Bắc	4.056.044	
56	Trường TH 1 Sông Đốc	7.529.428	
57	Trường TH 2 Sông Đốc	5.826.075	
58	Trường TH 4 Sông Đốc	2.855.336	
59	Trường TH 5 Sông Đốc	5.873.775	
60	Trường TH 6 Sông Đốc	3.594.430	
61	Trường TH NT QD Sông Đốc	7.150.905	
62	Trường TH 1 Trần Văn Thời	8.038.742	
63	Trường TH 2 Trần Văn Thời	4.097.589	
64	Trường MN Lợi An	3.263.607	
65	Trường MN Tuổi Ngọc	3.103.068	
66	Trường MN Phong Lạc	2.253.700	
67	Trường MN Phong Điền	2.635.813	
68	Trường MN Hoa Sen	2.766.090	
69	Trường MN Sơn Ca	3.548.782	
70	Trường MN Khánh Bình Tây	4.217.095	
71	Trường MN Tuổi Thơ	2.887.136	
72	Trường MN Sông Đốc	4.759.235	
73	Trường MN Hướng Dương	3.226.678	
74	Trường MN Khánh Hải	1.995.709	
75	Trường MN Khánh Bình Đông	3.359.007	
76	Trường MN Khánh Hưng	2.021.354	
77	Trường MN Khánh Lộc	2.422.958	
78	Trường Mẫu Giáo 19/5	6.689.292	
V	**CÁC HỘI**	**3.508.422**	
01	Hội Khuyến học	183.880	

Phụ lục XII:

CHỈ TIÊU GIAO HUYỆN U MINH
THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-QPCTT ngày 22 /4/2021 của Quỹ PCTT tai tỉnh Cà Mau)

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
I	**CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN KHỐI NHÀ NƯỚC**	**29.933.000**	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	7.200.000	
2	Phòng Nội vụ	2.061.000	
3	Phòng LĐ - TB&XH	1.419.000	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.722.000	
5	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng	1.400.000	
6	Phòng Tài nguyên - MT	1.757.000	
7	Phòng NN&PTNT	1.863.000	
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.981.000	
9	Phòng Văn Hóa và Thông tin	1.170.000	
10	Thanh tra Nhà nước	1.547.000	
11	Phòng Dân Tộc	1.384.000	
12	Phòng Tư pháp	734.000	
13	Hội Đông Y	832.000	
14	Hội Chữ Thập Đỏ	995.000	
15	Hạt Kiểm lâm	3.868.000	
II	**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**	**251.340.000**	
1	TTGD Nghề nghiệp	2.279.000	
2	Ban QLDA Xây dựng	2.554.000	
3	BQL Chợ & BĐH bến tàu xe UM	1.094.000	
4	BQL Chợ Khánh Hội	668.000	
5	Trung tâm VH - TT và Thể thao	3.357.000	
6	MN Hướng Dương	2.912.000	
7	MN Hoa Sen	4.083.000	
8	MN Hoa Mai	6.608.000	
9	MN Bông Hồng	3.996.000	
10	MN Sơn Ca	3.718.000	
11	MN Hoa Tường Vy	2.721.000	
12	MN Họa Mi	2.658.000	
13	MN Bạch Dương	4.887.000	
14	MN Hoa Mộc Lan	2.709.000	
15	TH Nguyễn Văn Hài	8.337.000	
16	TH Kim Đồng	9.071.000	
17	TH Lê Văn Tám	5.696.000	
18	TH Võ Thị Sáu	4.743.000	
19	TH Vương Nhị Chi	4.778.000	
20	TH Nguyễn Phích	5.236.000	
21	TH Nguyễn Văn Tố	4.750.000	
22	TH Trường An	4.007.000	
23	TH Huỳnh Quảng	4.296.000	
24	TH Mạc Cửu	5.803.000	
25	TH Đào Duy Từ	5.872.000	

STT	Tên đơn vị	Số tiền nộp Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
4	Bưu điện huyện U Minh	2.994.000	
5	Chi cục Thi hành án dân sự huyện	1.473.000	
	TỔNG	**595.085.000**	
Bằng chữ: Năm trăm chín mươi lăm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng			